

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 34567

Giờ: Ngày 30 tháng 11 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 – 25

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kỹ nghệ Đô Thành là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty nhựa Đô Thành theo Quyết định số 5777/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002375 ngày 04 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 9 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.
- Thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 52.000.000.000 VND.
- Thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 04 năm 2009 về việc đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- Thay đổi lần thứ tư ngày 05 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 52.000.000.000 VND lên 81.518.200.000 VND.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 100/UBCK-GPNY ngày 06 tháng 12 năm 2006 cho phép niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 81.518.200.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn	15.458.000.000	18,96
Các tổ chức trong nước	10.320.330.000	12,66
Các tổ chức nước ngoài	118.690.000	0,15
Cá nhân trong nước	55.303.490.000	67,84
Cá nhân nước ngoài	317.690.000	0,39
Cộng	81.518.200.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 8) 39.236.238 - 38.363.807
Fax : (84 - 8) 39.235. 360
E-mail : dothanhplastic@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0303310875

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm nhựa từ chất dẻo, bao bì chai nhựa PET, ống nhựa PP, PE (không tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- Chế tạo và sản xuất các khuôn mẫu nhựa (không tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Mua bán hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa;
- Kinh doanh nhà ở;
- Môi giới bất động sản;
- Cho thuê văn phòng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu thuần kỳ này tăng khoảng 30 tỷ đồng # 89% so với kỳ trước là do cả hai yếu tố sản lượng bán và giá bán.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc di dời toàn bộ hệ thống nhà xưởng về nhà máy nhựa mới ở Củ Chi. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang tiến hành đầu tư những hạng mục còn lại để hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở địa điểm mới.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

Ngày 17 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thống nhất do lợi nhuận năm 2009 đạt được thấp nên không trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hiệp	Chủ tịch	20 tháng 5 năm 2004	-
Ông Nguyễn Băng Tâm	Phó Chủ tịch	20 tháng 5 năm 2004	-
Ông Phạm Uyên Nguyên	Ủy viên	20 tháng 5 năm 2004	-
Bà Hoàng Thị Thúy Hương	Ủy viên	15 tháng 10 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Ủy viên	14 tháng 4 năm 2007	-
Ông Võ Ngọc Thành	Ủy viên	20 tháng 01 năm 2009	-
Ông Trương Phú Chiến	Ủy viên	20 tháng 01 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2010	-
Ông Thân Văn Chương	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Võ Văn Hào	Thành viên	22 tháng 4 năm 2006	-

047446

ÔNG TỶ
YHIEM HUU
A TOAN
U VÂN

PHO C

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Nguyễn Anh Hào

Ngày bổ nhiệm

01 tháng 4 năm 2009

Ngày miễn nhiệm

-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Hào
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 11 năm 2010





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0990/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần kỹ nghệ Đồ Thành gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 06 tháng 11 năm 2010 từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Khoản nợ phải thu Công ty TKR packaging chưa trích lập dự phòng đầy đủ là chưa phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Việc chưa ghi nhận khoản chi phí dự phòng này làm cho lợi nhuận kỳ này tăng đi một khoản ước tính là 140.728.755 VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0093/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		49.707.655.864	62.670.997.959
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.380.432.479	32.137.604.097
1.	Tiền	111		4.380.432.479	3.137.604.097
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	29.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.000	72.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		72.000	72.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.276.811.599	15.215.924.684
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	28.206.057.617	14.841.631.704
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	150.081.195	212.311.364
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		61.401.542	302.710.371
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(140.728.755)	(140.728.755)
IV.	Hàng tồn kho	140		12.958.004.875	12.820.303.615
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	12.958.004.875	12.820.303.615
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.092.334.911	2.497.093.563
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	265.487.410	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.146.422.501	968.729.466
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.680.425.000	1.528.364.097

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.926.263.835	62.549.984.401
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.928.319.670	60.782.257.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	28.594.522.020	20.343.862.280
<i>Nguyên giá</i>	222		39.933.103.306	30.515.651.700
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.338.581.286)	(10.171.789.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	22.395.591.807	22.495.120.886
<i>Nguyên giá</i>	228		23.421.418.509	23.262.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.025.826.702)	(766.879.114)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	17.938.205.843	17.943.273.945
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1.500.000.000	1.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		497.944.165	267.727.290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	497.546.291	267.329.416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		397.874	397.874
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.633.919.699	125.220.982.360

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.291.050.449	10.097.439.674
I. Nợ ngắn hạn	310		5.291.050.449	10.097.439.674
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.871.460.480	5.298.027.130
2. Phải trả người bán	312	V.13	739.721.156	1.989.524.777
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	518.255.782	326.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	225.976.352	347.200.484
5. Phải trả người lao động	315	V.16	422.550.457	482.769.005
6. Chi phí phải trả	316		-	134.805.293
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.501.462.335	1.468.289.098
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	11.623.887	50.323.887
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.342.869.250	115.123.542.686
I. Vốn chủ sở hữu	410		115.342.869.250	115.123.542.686
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	81.518.200.000	81.518.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	29.270.228.800	29.271.992.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	2.391.760.589	2.391.760.589
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	729.125.908	729.125.908
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	1.433.553.953	1.212.464.189
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.633.919.699	125.220.982.360

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			31.657,71		64.497,05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Tp.HCM, ngày 06 tháng 11 năm 2010

Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểuHoàng Thị Thúy Hương
Kế toán trưởngNguyễn Anh Hào
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.855.553.033	41.888.800.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	800.000	8.135.996.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	63.854.753.033	33.752.804.779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61.006.518.356	32.324.858.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.848.234.677	1.427.946.304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.007.048.789	742.235.269
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	205.069.751	(577.053.755)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		189.218.146	87.676.245
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.777.321.658	1.160.122.198
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.074.720.004	1.096.555.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(201.827.947)	490.557.677
11. Thu nhập khác	31	VI.7	760.916.854	499.669.919
12. Chi phí khác	32	VI.8	306.414.891	440.760.055
13. Lợi nhuận khác	40		454.501.963	58.909.864
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		252.674.016	549.467.541
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	31.584.252	48.078.410
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		221.089.764	501.389.131
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		27,12	96,42



Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu



Hoàng Thị Thúy Hương
Kế toán trưởng



Tp.HCM, ngày 06 tháng 11 năm 2010

Nguyễn Anh Hào
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		252.674.016	501.389.131
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	1.710.693.041	1.481.620.396
- Các khoản dự phòng	03		-	(664.730.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(36.223.115)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(926.817.408)	(659.544.177)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	189.218.146	87.676.245
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.189.544.680	746.411.595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.638.701.687)	15.662.705.643
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(137.701.260)	(5.034.865.574)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.214.836.709)	(2.656.133.631)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(275.985.478)	(656.826.795)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(189.218.146)	(87.676.245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(157.870.118)	(148.479.741)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.18, V.19	(40.463.200)	(67.549.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.465.231.918)	7.757.585.318
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9	(10.382.889.298)	(2.321.257.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	326.136.365	429.940.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.155.156.768	614.754.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.901.596.165)	(1.276.563.170)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	8.006.507.950	5.372.195.400
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(11.380.999.880)	(3.105.898.226)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.110.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.374.491.930)	156.297.174
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26.741.320.013)	6.637.319.322
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.137.604.097	18.438.945.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(15.851.605)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.380.432.479	25.076.265.008

Tp.HCM, ngày 06 tháng 11 năm 2010



Nguyễn Hồng Nhung
Người lập biểu



Hoàng Thị Thủy Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Hào
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất sản phẩm nhựa từ chất dẻo, bao bì chai nhựa PET, ống nhựa PP, PE (không tái chế phế thải nhựa tại trụ sở); chế tạo và sản xuất các khuôn mẫu nhựa (không tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện); mua bán hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa; kinh doanh nhà ở; môi giới bất động sản; cho thuê văn phòng.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu thuần kỳ này tăng khoảng 30 tỷ đồng # 89% so với kỳ trước là do cả hai yếu tố sản lượng bán và giá bán.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc di dời toàn bộ hệ thống nhà xưởng về nhà máy nhựa mới ở Củ Chi. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang tiến hành đầu tư những hạng mục còn lại để hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở địa điểm mới.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 7 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	2-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8-10
Tài sản cố định khác	6-10

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chuyển dịch địa điểm

Các chi phí có liên quan đến việc di dời nhà xưởng về Củ Chi. Chi phí này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm kể từ khi ổn định sản xuất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa đã phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được giảm thêm 50% trong 2 năm do niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Năm tài chính 2005 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/06/2010 : 18.544 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	904.228.512	215.776.011
Tiền gửi ngân hàng	3.476.203.967	2.921.828.086
Khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	29.000.000.000
Cộng	5.380.432.479	32.137.604.097

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	27.630.385.631	13.617.130.287
Khách hàng nước ngoài	575.671.986	1.224.501.417
Cộng	28.206.057.617	14.841.631.704

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Kiến Việt	150.000.000	150.000.000
Công ty điện tử tin học Sài Gòn	-	62.311.364
Khác	81.195	-
Cộng	150.810.195	212.311.364

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.339.600.694	9.660.142.757
Công cụ, dụng cụ	259.544.310	244.988.791
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	862.283.246	215.689.520
Thành phẩm	1.137.756.916	2.640.796.787
Hàng hóa	358.819.709	58.685.760
Cộng	12.958.004.875	12.820.303.615

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

		Kết chuyển vào chi phí SXKD		
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ	
Tiền thuê đất	-	337.029.500	(168.514.750)	168.514.750
Công cụ, dụng cụ	-	49.742.136	(9.797.019)	39.945.117
Khác	-	376.796.909	(319.769.366)	57.027.543
Cộng	-	763.568.545	(498.081.135)	265.487.410

6. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng của nhân viên.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ Quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	5.882.008.876	22.596.938.609	1.731.293.068	195.716.147	109.695.000	30.515.651.700
Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.529.399.073	699.139.818	-	-	-	10.228.538.891
Thanh lý, nhượng bán	-	(811.087.285)	-	-	-	(811.087.285)
Số cuối kỳ	15.411.407.949	22.484.991.142	1.731.293.068	195.716.147	109.695.000	39.933.103.306
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.216.716.888	-	56.684.383	-	1.273.401.271
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.474.253.254	7.854.710.094	649.257.297	103.650.180	89.918.595	10.171.789.420
Khấu hao trong kỳ	362.920.107	1.203.136.075	93.933.054	5.997.384	5.477.640	1.671.464.260
Thanh lý, nhượng bán	-	(504.672.394)	-	-	-	(504.672.394)
Số cuối kỳ	1.837.173.361	8.553.173.775	743.190.351	109.647.564	95.396.235	11.338.581.286
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.407.755.622	14.742.228.515	1.082.035.771	92.065.967	19.776.405	20.343.862.280
Số cuối kỳ	13.574.234.588	13.931.817.367	988.102.717	86.068.583	14.298.765	28.594.522.020

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.729.837.668 VND và 5.835.570.220 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phẩm mền kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.262.000.000	-	23.262.000.000
Tăng trong kỳ	-	159.418.509	159.418.509
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	23.262.000.000	159.418.509	23.421.418.509

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phẩm mền kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	766.879.114	-	766.879.114
Khấu hao trong kỳ	255.626.370	3.321.218	258.947.588
Số cuối kỳ	1.022.505.484	3.321.218	1.025.826.702
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.495.120.886	-	22.495.120.886
Số cuối kỳ	22.239.494.516	156.097.291	22.395.591.807

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tài sản cố định</u>	<u>Giảm khác trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua máy móc thiết bị	1.903.000.000	5.636.071.801	-	(1.942.600.000)	5.596.471.801
Xây dựng cơ bản	16.040.273.945	7.541.491.637	(10.228.538.891)	(1.011.492.649)	12.341.734.042
Cộng	17.943.273.945	13.177.563.438	(10.228.538.891)	(2.954.092.649)	17.938.205.843

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh thành lập Công ty cổ phần nhựa Đại Thành Long với tỷ lệ góp vốn là 25%. Tổng số vốn đầu tư của dự án là 6.000.000.000 VND.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí chuyển dịch địa điểm	-	219.718.807	-	219.718.807
Công cụ, dụng cụ	267.329.416	76.040.361	(78.263.151)	265.106.626
Chi phí sửa chữa	-	13.877.300	(1.156.442)	12.720.858
Cộng	267.329.416	309.636.468	(79.419.593)	497.546.291

12. Vay và nợ ngắn hạn

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng vay số 3970/2009/HĐ ngày 13 tháng 7 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, lãi suất 10%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	5.298.027.130
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	8.006.507.950
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(11.380.999.880)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(52.074.720)
Số cuối kỳ	1.871.460.480

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Pepsico Việt Nam	104.670.720	1.171.368.000
Công ty TNHH một thành viên thương mại Khang An Thịnh	124.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	510.450.436	818.156.777
Cộng	739.721.156	1.989.524.777

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Thảo Điền	-	300.000.000
Công ty Pepsico Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	406.250.768	-
Các nhà cung cấp khác	112.005.014	26.500.000
Cộng	518.255.782	326.500.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.200.484	31.584.252	(157.870.118)	220.914.618
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.075.869	(10.014.135)	5.061.734
Tiền thuê đất	-	337.029.500	(337.029.500)	-
Thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	347.200.484	387.689.621	(508.913.753)	225.976.352

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu (bán cho Doanh nghiệp chế xuất)	0%
- Mặt hàng khuôn	5%
- Mặt hàng nhựa	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Năm 2010 là năm thứ tư Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	252.674.016	549.467.541
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	252.674.016	549.467.541
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	63.168.504	137.366.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(31.584.252)	(89.288.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.584.252	48.078.410

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 2.353,40 m² đất đang sử dụng với mức 97.200 VND/m² theo hợp đồng thuê đất số 2977/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 13 tháng 4 năm 2006 và diện tích 1.203,10 m² đất đang sử dụng với mức 90.000 VND/m² theo hợp đồng thuê đất số 2556-HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 31 tháng 3 năm 2006.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương của Công ty được trích trên cơ sở đơn giá tiền lương đăng ký với Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh là 80 VND/1.000 VND doanh thu.

Số dư cuối kỳ là tiền lương tháng 6 còn phải trả cho nhân viên.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	34.941.688	34.462.712
Bảo hiểm xã hội	-	6.411.441
Cổ tức phải trả	1.162.000.000	1.162.000.000
Phải trả Nhà nước tiền bán cổ phiếu trả chậm	206.920.000	206.920.000
Các khoản khác	97.600.647	58.494.945
Cộng	<u>1.501.462.335</u>	<u>1.468.289.098</u>

18. Quỹ phúc lợi

Số đầu năm	50.323.887
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(38.700.000)
Số cuối kỳ	<u>11.623.887</u>

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	52.000.000.000	42.154.206.000	2.391.760.589	427.446.678	3.393.422.099	100.366.835.366
Tăng vốn trong năm	16.000.000.000	636.000.000	-	-	-	16.636.000.000
Chia cổ phiếu thưởng	13.518.200.000	(13.518.200.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.212.464.189	1.212.464.189
Trích lập các quỹ	-	-	-	301.679.230	(793.422.099)	(491.742.869)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Giảm khác	-	(14.000)	-	-	-	(14.000)
Số dư cuối năm trước	<u>81.518.200.000</u>	<u>29.271.992.000</u>	<u>2.391.760.589</u>	<u>729.125.908</u>	<u>1.212.464.189</u>	<u>115.123.542.686</u>
Số dư đầu năm nay	81.518.200.000	29.271.992.000	2.391.760.589	729.125.908	1.212.464.189	115.123.542.686
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	221.089.764	221.089.764
Chi khác	-	(1.763.200)	-	-	-	(1.763.200)
Số dư cuối kỳ	<u>81.518.200.000</u>	<u>29.270.228.800</u>	<u>2.391.760.589</u>	<u>729.125.908</u>	<u>1.433.553.953</u>	<u>115.342.869.250</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.151.820	8.151.820
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu phổ thông	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu phổ thông	8.151.820	8.151.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	63.855.553.033	41.888.800.779
- Doanh thu bán hàng hóa	44.612.298.109	31.697.745.220
- Doanh thu bán thành phẩm	18.836.710.924	10.034.167.559
- Doanh thu gia công	406.544.000	156.888.000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	800.000	8.135.996.000
Doanh thu thuần	63.854.753.033	33.752.804.779
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	44.612.298.109	23.561.749.220
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	18.835.910.924	10.034.167.559
- Doanh thu gia công	406.544.000	156.888.000

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	42.858.798.916	22.733.308.725
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	18.147.719.440	9.591.549.750
Cộng	61.006.518.356	32.324.858.475

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11.979.754.514	6.025.600.929
Chi nhân công trực tiếp	1.287.041.727	333.016.942
Chi phí sản xuất chung	4.024.477.054	4.013.262.107
Tổng chi phí sản xuất	17.291.273.295	10.371.879.978
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(646.593.726)	(749.477.714)
Tổng giá thành sản xuất	16.644.679.569	9.622.402.264
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	1.503.039.871	(30.852.514)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	18.147.719.440	9.591.549.750

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	907.095.934	457.507.089
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.499.235	74.728.180
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	210.000.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.378.900	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.074.720	-
Cộng	1.007.048.789	742.235.269

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	189.218.146	87.676.245
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(664.730.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.851.605	-
Cộng	205.069.751	(577.053.755)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	764.417.008	599.488.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.885.168	304.511.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.406.465	65.421.954
Chi phí khác	243.613.017	190.700.353
Cộng	1.777.321.658	1.160.122.198

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	603.871.351	414.364.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	295.211.960	23.143.192
Thuế, phí, lệ phí	138.811.800	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.792.039	21.533.998
Chi phí khác	1.024.032.854	633.513.399
Cộng	2.074.720.004	1.096.555.453

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Địa chỉ: 59 - 65 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	326.136.365	429.940.000
Thu bán phế liệu	376.430.000	-
Khác	58.350.489	69.729.919
Cộng	760.916.854	499.669.919

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	221.089.764	501.389.131
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	221.089.764	501.389.131
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	8.151.820	5.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27,12	96,42

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.151.820	5.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.151.820	5.200.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.172.711.672	7.110.052.125
Chi phí nhân công	3.485.802.186	1.561.693.678
Chi phí công cụ dụng cụ	114.392.005	542.462.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.710.693.041	1.481.620.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.845.319.479	1.530.470.547
Chi phí khác	1.814.396.574	402.258.065
Cộng	21.143.314.957	12.628.557.629